

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/ KDTM-ST
Ngày: 04/01/2022
“ *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng* ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Minh Đức.
- Bà Phạm Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:11/2021/TLST- KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2021 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST- KDTM ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT V

Địa chỉ: 02 L, Thành C, Ba Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Do ông Nguyễn A – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T làm đại diện, theo văn bản uỷ quyền ngày 12/4/2021 của Giám đốc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T.

Địa chỉ: 312 QL1A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2.Bị đơn: V/c anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1974, chị Phạm Thị Q, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T do ông Nguyễn A trình bày: Ngày 02/01/2018 Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T ký hợp đồng tín dụng số: 4602 – LAV- 201800007/HĐTD cho vợ chồng anh T, chị Q vay **150.000.000 đồng**. Mục đích cho vay là để mua tôm giống nuôi thịt, lãi suất 8,5%/ năm (thời hạn vay theo hạn mức kể từ ngày nhận nợ, thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 02/01/2019), sau đó phía Ngân hàng có gia hạn thêm thời hạn trả nợ đến ngày 02/4/2021. Việc cho vay không có tài sản thế chấp, tuy nhiên phía Ngân hàng có giữ hộ của vợ chồng anh T, chị Q là giấy chứng nhận QSD đất số BA 352197 do UBND huyện T cấp ngày 31/3/2010, diện tích 120m², số thửa 905, tờ bản đồ 33.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, từ ngày 02/01/2018 đến ngày 26/02/2019 vợ chồng anh T, chị Q đã trả cho phía Ngân hàng tiền lãi trong hạn 14.969.664 đồng; Đến ngày 09 tháng 11 năm 2021, vợ chồng anh T, chị Q có trả dần cho phía Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc. Còn lại 130.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn từ ngày 27/02/2019 đến ngày 04/01/2022 là **36.172.740 đồng** và tiền lãi quá hạn từ ngày 03/4/2021 đến ngày 04/01/2022 là **4.707.603 đồng**. Tổng cộng: **170.880.342 đồng** đến nay chưa trả. Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh T, chị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

Bị đơn vợ chồng anh T, chị Q vắng mặt. Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2021, chị Q trình bày: Ngày 02/01/2018 vợ chồng tôi có ký hợp đồng tín dụng số: 4602 – LAV- 201800007/HĐTD vay của Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT huyện T **150.000.000 đồng**. Mục đích cho vay là để mua tôm giống nuôi thịt, thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 02/01/2019, không có tài sản thế chấp, phía Ngân hàng có giữ hộ của vợ chồng tôi là giấy chứng nhận QSD đất số BA 352197 do UBND huyện T cấp ngày 31/3/2010, diện tích 120m², số thửa 905, tờ bản đồ 33 như phía Ngân hàng trình bày và yêu cầu là đúng. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay do điều kiện làm ăn thua lỗ, khó khăn không có khả năng trả nợ cho phía Ngân hàng. Nay vợ chồng tôi cam kết hẹn cứ mỗi năm trả cho phía Ngân hàng từ 20 – 30 triệu đồng cho đến khi trả hết số tiền gốc và lãi nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng qui định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn vợ chồng anh T, chị Q vắng

mặt tại phiên tòa là vi phạm điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại 130.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn đến ngày 04/01/2022 là 40.880.342 đồng. Tổng cộng: **170.880.342 đồng** đồng.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/01/2018 vợ chồng anh T, chị Q trú tại: Nhơn H, An H, Tuy A, Phú Yên ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T. Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng anh T, chị Q đã được Tòa án huyện T tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vợ chồng anh T, chị Q đều vắng mặt không có lý do; Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 02/01/2018 Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T ký hợp đồng tín dụng số: 4602 – LAV-201800007/HĐTĐ cho vợ chồng anh T, chị Q vay **150.000.000 đồng**. Mục đích cho vay là để mua tôm giống nuôi thịt, lãi suất 8,5%/ năm (thời hạn vay theo hạn mức kể từ ngày nhận nợ, thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 02/01/2019), phía Ngân hàng có gia hạn thêm thời hạn trả nợ đến ngày 02/4/2021, việc cho vay không có tài sản thế chấp, tuy nhiên phía Ngân hàng có giữ hộ của vợ chồng anh T, chị Q là giấy chứng nhận QSD đất số BA 352197 do UBND huyện T cấp ngày 31/3/2010, diện tích 120m², số thửa 905, tờ bản đồ 33. Từ ngày 02/01/2018 đến ngày 26/02/2019 vợ chồng anh T, chị Q đã trả cho phía Ngân hàng tiền lãi trong hạn 14.969.664 đồng; Đến ngày 09 tháng 11 năm 2021, vợ chồng anh T, chị Q có trả dần cho phía Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc. Còn lại 130.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh đến ngày 04/01/2022 chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị Q phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc còn lại 130.000.000 đồng, (tiền lãi trong hạn từ ngày 27/02/2019 đến ngày 04/01/2022 là **36.172.740 đồng** và tiền lãi quá hạn từ ngày 03/4/2021 đến ngày 04/01/2022 là **4.707.603 đồng**. Tổng cộng: **170.880.342 đồng**; tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2021, bị đơn chị Q thừa nhận còn nợ của nguyên đơn 150.000.000 tiền gốc và cam kết trả dần cho

phía nguyên đơn cứ mỗi năm từ 20 – 30 triệu đồng cho đến khi trả hết số tiền gốc và lãi nêu trên, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn A không đồng ý.

[3].HĐXX nhận định: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 4602 – LAV-201800007/HĐTD ngày 02/01/2018 và sự thừa nhận của các bên đương sự, đây là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi hàng tháng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ anh T, chị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền gốc còn lại 130.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 27/02/2019 đến ngày 04/01/2022 là **36.172.740** đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 03/4/2021 đến ngày 04/01/2022 là **4.707.603 đồng**. Tổng cộng: **170.880.342 đồng**.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. (Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 1.200.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên).

[4]. Về án phí: Bị đơn vợ chồng anh T, chị Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4 Luật thương mại; Các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T.

1. Buộc bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Chí T, chị Phạm Thị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh đến ngày 04/01/2022 là **170.880.342 đồng** (trong đó tiền gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 36.172.740 đồng, tiền lãi quá hạn 4.707.603 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T thì lãi suất mà vợ chồng anh T, chị Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn vợ chồng anh T, chị Q phải chịu 1.200.000 đồng. (Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T đã nộp tạm ứng 1.200.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.200.000 đồng cho phía Nguyên đơn).

3. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng anh T, chị Q phải chịu 8.544.017 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T 4.800.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03534 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T (2);
- THA DS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

(Đã ký)

Trần Văn Bình